BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM ĐUỐNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 27
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống được thành lập và hoạt động theo Đăng ký kinh doanh số 2300109153 đăng ký lần đầu ngày ngày 15 tháng 05 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 4 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại phố Đông Côi, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

BAN LÃNH ĐẠO VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Lãnh đạo trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lưu Văn Khang	Chủ tịch	
Ông Đoàn Văn Duyến	Giám đốc	
Ông Trần Đình Thông	Phó Giám đốc	
Ông Ngô Văn Khích	Phó Giám đốc	
Ông Phùng Đức Sơn	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Vũ Tuyên	Phó Giám đốc	
Bà Vũ Thanh Nga	Kế toán trưởng	(Nghỉ hưu ngày 01/06/2025)
Ông Phạm Kiên Cường	Trưởng phòng Tài chính kế toán Phụ trách Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 01/06/2025)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Quốc Tuấn	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

TM. Ban Lãnh đạo
Chủ tịch

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM ĐUỐNG
M.S.D.N: 2300109158 C.T.T.N.H.H
TỈNH BẮC NINH

Lưu Văn Khang

Số: 01/2026/ASCO/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo**
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống được lập ngày 20 tháng 01 năm 2026, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê Hàng tồn kho của Công ty là nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị hàng tồn kho là 1.125.311.922 VND, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thế cho thủ tục chứng kiến kiểm kê nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về tính hiện hữu và đánh giá cũng như chưa thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến Hàng tồn kho và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính của Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 23, theo thông báo số 03-TB/BCĐ ngày 13/12/2024 của Ban chỉ đạo cấp tỉnh, Tỉnh uỷ Bắc Ninh có chủ trương hợp nhất Công ty và Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thuỷ lợi Bắc Đuống thành Công ty TNHH Khai thác Công trình Thuỷ lợi Bắc Ninh. Tuy nhiên, Công ty chưa có hướng dẫn cụ thể liên quan tới hợp nhất hoạt động giữa hai công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO
ASCO
MSDN: 0102374170
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tường Thế Đức

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 5669-2023-149-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Tiến Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 6209-2024-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**14.472.222.650**	**16.750.406.529**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**9.646.213.610**	**12.694.189.401**
111	1. Tiền		9.646.213.610	12.694.189.401
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**3.700.316.264**	**2.878.589.038**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	725.738.693	733.486.253
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	35.494.000	974.640.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.244.419.156	475.798.370
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(147.827.041)	(147.827.041)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		842.491.456	842.491.456
140	**IV. Hàng tồn kho**	**8**	**1.125.311.922**	**1.177.477.299**
141	1. Hàng tồn kho		1.125.311.922	1.177.477.299
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**380.854**	**150.791**
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	380.854	150.791
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.555.951.867.159**	**1.379.632.347.620**
220	**II. Tài sản cố định**		**1.478.304.249.159**	**1.373.886.668.620**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.478.304.249.159	1.373.886.668.620
222	*- Nguyên giá*		*1.644.463.624.324*	*1.523.679.563.828*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(166.159.375.165)*	*(149.792.895.208)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	*- Nguyên giá*		*20.000.000*	*20.000.000*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(20.000.000)*	*(20.000.000)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**9**	**77.647.618.000**	**5.745.679.000**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		77.647.618.000	5.745.679.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.570.424.089.809**	**1.396.382.754.149**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**27.296.577.804**	**16.306.616.754**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**27.296.577.804**	**16.306.616.754**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	17.335.280.640	5.281.066.448
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	521.662.587	291.124.361
319	3. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.232.733.889	7.612.171.820
320	4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	915.000.000	380.000.000
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.291.900.688	2.742.254.125
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.543.127.512.005**	**1.380.076.137.395**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**16**	**1.541.348.655.517**	**1.378.297.280.907**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.499.036.547.043	1.376.658.202.374
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		213.238.350	212.121.409
422	3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		42.098.870.124	1.426.957.124
430	**II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác**		**1.778.856.488**	**1.778.856.488**
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.778.856.488	1.778.856.488
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.570.424.089.809**	**1.396.382.754.149**

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu	Phụ trách Kế toán trưởng	Chủ tịch
Lưu Thị Thanh	Phạm Kiên Cường	Lưu Văn Khang

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM ĐUỐNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**17**	**150.994.015.047**	**131.455.897.481**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**150.994.015.047**	**131.455.897.481**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**18**	**134.167.348.045**	**116.875.510.622**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**16.826.667.002**	**14.580.386.859**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	65.278.857	44.075.784
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	16.887.291.935	14.624.770.892
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**4.653.924**	**(308.249)**
31	11. Thu nhập khác	21	-	4.272.091
32	12. Chi phí khác		-	-
40	**13. Lợi nhuận khác**		**-**	**4.272.091**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**4.653.924**	**3.963.842**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	930.785	792.768
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**3.723.139**	**3.171.074**

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu	Phụ trách Kế toán trưởng	Chủ tịch
Lưu Thị Thanh	Phạm Kiên Cường	Lưu Văn Khang

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM ĐUỐNG
M.S.D.N: 2300109153 C.T.T.N.H.H
TỈNH BẮC NINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		134.202.223.150	130.890.014.156
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(56.926.528.947)	(52.311.156.846)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(83.339.409.725)	(52.729.250.185)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(792.768)	(2.915.997)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.297.991.384	1.960.889.396
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.971.114.742)	(30.147.840.815)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(4.737.631.648)***	***(2.340.260.291)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(198.063.417.644)	(20.255.518.311)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	909.091
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		65.278.857	44.075.784
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(197.998.138.787)***	***(20.210.533.436)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		199.152.794.644	21.587.032.311
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.305.000.000	2.190.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(770.000.000)	(2.390.000.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***199.687.794.644***	***21.387.032.311***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(3.047.975.791)**	**(1.163.761.416)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**12.694.189.401**	**13.857.950.817**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**9.646.213.610**	**12.694.189.401**

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu	Phụ trách Kế toán trưởng	Chủ tịch
Lưu Thị Thanh	Phạm Kiên Cường	Lưu Văn Khang

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM ĐUỐNG TỈNH BẮC NINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống được thành lập và hoạt động theo Đăng ký kinh doanh số 2300109153 đăng ký lần đầu ngày ngày 15 tháng 05 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 4 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại phố Đông Côi, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh..

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 449 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 451 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty cung cấp dịch vụ công ích liên quan đến hoạt động thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:
- Quản lý vận hành công trình thủy lợi, phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp, dân sinh, công nghiệp và đô thị;
- Cấp nước thô cho nuôi trồng thủy sản, các nhà máy sản xuất nước sạch cho sinh hoạt và công nghiệp;
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đê điều, kênh mương;
- Giám sát công trình thủy lợi cấp II, dân dụng và công nghiệp đến cấp III;
- Thiết kế các công trình thủy lợi cấp IV;
- Thiết kế cơ điện các công trình thủy lợi đến cấp III;
- Thẩm tra thiết kế các công trình thủy lợi, thẩm tra thiết kế cơ điện các công trình thủy lợi.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Đầu tư và Xây dựng Nam Đuống	Phố Vàng, phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh	Sửa chữa, xây lắp công trình thủy lợi
Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng Nam Đuống	Phố Đông Côi, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Khảo sát, tư vấn thiết kế
Ban quản lý dự án đầu tư công trung hạn	Phố Đông Côi, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Quản lý dự án trung hạn

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.
Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Ngoại trừ những tài sản của đơn vị khai thác công trình thủy lợi không phải trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 và các quy định có liên quan, tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo khung khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	15 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Các tài sản khác	10 năm
- Phần mềm quản lý	5 năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm khoản sửa chữa lớn và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Các tài sản hoàn thành được đưa vào sử dụng được công ty tạm tăng theo các biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh thực hiện dự án đầu tư hoàn thành và bàn giao tài sản cho đơn vị tiếp nhận tài sản.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định hiện hành.

Hoạt động khai thác, quản lý công trình thuỷ lợi sử dụng vốn nhà nước của Công ty là hoạt động công ích, không phát sinh lãi, lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận của các Xí nghiệp. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi các Xí nghiệp hạch toán độc lập có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Xí nghiệp trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo quy định hiện hành về phân phối lợi nhuận của Doanh nghiệp sở hữu 100% Vốn Nhà nước:

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

2.12 . Doanh thu

Doanh thu từ dịch vụ cung cấp tưới tiêu

Doanh thu từ dịch vụ cung cấp tưới tiêu bao gồm thuỷ lợi phí các vụ Xuân, Mùa, Đông, được thực hiện theo quy định tại Nghị định 67/2012/NĐ-CP và áp dụng mức thu theo quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc cung cấp dịch vụ cung cấp tưới tiêu đã hoàn thành được xác định theo biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	1.477.331.151	599.134.615
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.168.882.459	12.095.054.786
	9.646.213.610	**12.694.189.401**

4 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Xí nghiệp Đầu tư phát triển Thủy lợi Gia Lâm	520.777.456	-	516.844.616	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	204.961.237	147.827.041	216.641.637	147.827.041
	725.738.693	**147.827.041**	**733.486.253**	**147.827.041**

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng và Đồ gỗ nội thất Hà Trang	-	-	970.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	35.494.000	-	4.640.000	-
	35.494.000	**-**	**974.640.000**	**-**

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng hoạt động tại các xí nghiệp	24.645.047	-	100.412.262	-
Phải thu khác	2.219.774.109	-	375.386.108	-
- Công ty CPXD Thuỷ Lợi Hà Tây - Phải thu công trình xây lắp	*1.043.314.000*	-		-
Các khoản phải thu khác	*1.176.460.109*	-	*375.386.108*	-
	2.244.419.156	**-**	**475.798.370**	**-**

7 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Hợp tác xã Tam Á	36.115.617	-	36.115.617	-
- Hợp tác xã Cẩm Hưng	33.323.040	-	33.323.040	-
- Xí nghiệp Tam Thiên Mẫu	27.452.000	-	27.452.000	-
- Hợp tác xã Trà Lâm	24.890.583	-	24.890.583	-
- Hợp tác xã Ngọc Khám - Gia Đông	16.842.892	-	16.842.892	-
- Hợp tác xã Ninh Xá	9.202.909	-	9.202.909	-
	147.827.041	-	147.827.041	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.118.611.028	-	981.926.785	-
Công cụ, dụng cụ	6.700.894	-	7.982.849	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	187.567.665	-
	1.125.311.922	-	**1.177.477.299**	-

9 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

a) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	**77.647.618.000**	**5.745.679.000**
Kiên cố hóa kênh giữa Như Quỳnh đoạn từ điều tiết Quán Tranh đến xí nghiệp Tam Thiên Mẫu (i)	33.158.096.000	801.925.000
Kiên cố hóa kênh Bắc Như Quỳnh đoạn từ Quốc lộ 17 đến đường tỉnh lộ 282, huyện Gia Bình (ii)	13.300.169.000	405.367.000
Cải tạo, nâng cấp hệ thống vớt rác trạm bơm Kênh Vàng II (iii)	9.079.239.000	-
Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm: Thụy Mão, Liễu Lâm, Thư Đôi, Bình Cầu (iv)	4.915.492.000	-
Thay mới hệ thống cáp điện trạm bơm Phú Mỹ và mua vật tư dự phòng các trạm bơm chìm đầu mối (v)	4.327.557.000	-
Công trình khác	12.867.065.000	4.538.387.000
	77.647.618.000	**5.745.679.000**

b) Thông tin chi tiết các Dự án lớn

(i) Dự án Kiên cố hóa kênh giữa Như Quỳnh đoạn từ điều tiết Quán Tranh đến xí nghiệp Tam Thiên Mẫu nhằm mục đích khắc phục tình trạng xuống cấp, nâng cao hiệu quả của hệ thống kênh mương, mang lại hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp và đóng góp nâng cao chất lượng nông thôn mới:

- *Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống;*
- *Tổng mức đầu tư: 60.312.000.000 đồng;*
- *Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025: đang triển khai.*

(ii) Dự án Kiên cố hóa kênh Bắc Như Quỳnh đoạn từ Quốc lộ 17 đến đường tỉnh lộ 282, huyện Gia Bình bảo đảm tưới cho 354ha đất canh tác của huyện Gia Bình và tạo nguồn hỗ trợ tưới cho 236ha đất canh tác của xã Cao Đức góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương, nâng cao chất lượng cải thiện cảnh quan môi trường dự án:

- *Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống;*
- *Tổng mức đầu tư: 14.929.158.000 đồng;*
- *Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025: đang hoàn thiện.*

(iii) Dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống vớt rác trạm bơm Kênh Vàng II thuộc kế hoạch sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thuỷ lợi năm 2025 nhằm xây dựng hệ thống máy vớt rác tự động trên kênh dẫn vào bể hút trạm bơn Kênh Vàng II (tại vị trí hệ thống ngăn rác cũ) thay cho hệ thống vớt rác thủ công để ngăn ngừa rác vào bể hút, buồng hút đảm bảo các tổ máy bơm hoạt động bình thường theo công suất thiết kế:

- *Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống;*
- *Tổng mức đầu tư: 14.972.309.000 đồng;*
- *Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025: đang hoàn thiện.*

(iv) Dự án Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm: Thụy Mão, Liễu Lâm, Thư Đôi, Bình Cầu thuộc kế hoạch sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thuỷ lợi năm 2025 nhằm phá dỡ nhà máy cũ, xây dựng mới trạm bơm với quy mô 01 tổ máy bơm trục ngang đối với trạm bơm Liễu Lâm, Thư Đôi, Thuỵ Mão và quy mô 02 tổ máy bơm trục ngang đối với trạm bơm Bình Câu:

- *Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống;*
- *Tổng mức đầu tư: 10.619.919.000 đồng;*
- *Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025: đang hoàn thiện.*

(v) Dự án Thay mới hệ thống cáp điện trạm bơm Phú Mỹ và mua vật tư dự phòng các trạm bơm chìm đầu mối thuộc kế hoạch sửa chữa định kỳ tài sản kết cấu hạ tầng thuỷ lợi năm 2025 nhằm nâng cao chất lượng công trình thuỷ lợi, phục vụ công tác quản lý và vận hành hệ thống công trình trong mọi điều kiện thời tiết, bổ sung vật tư dự phòng để thay thế khi cần thiết, góp phần ổn định đời sống, sản xuất của nhân dân, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế, xã hội trong khu vực:

- *Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Đuống;*
- *Tổng mức đầu tư: 8.388.297.000 đồng;*
- *Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025: đang hoàn thiện.*

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.034.682.027.755	487.546.724.073	1.097.712.000	353.100.000	1.523.679.563.828
- Mua trong năm	-	-	-	76.248.000	76.248.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	46.260.234.000	13.501.324.000	-	-	59.761.558.000
- Tăng do nhận bàn giao (i)	53.320.838.000	17.360.041.000	-	-	70.680.879.000
- Giảm do bàn giao tài sản (ii)	(7.922.383.474)	-	-	-	(7.922.383.474)
- Phân loại lại	(264.858.000)	264.858.000	-	-	-
- Giảm khác (iii)	(1.812.241.030)	-	-	-	(1.812.241.030)
Số dư cuối năm	**1.124.263.617.251**	**518.672.947.073**	**1.097.712.000**	**429.348.000**	**1.644.463.624.324**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	72.914.884.294	75.508.510.925	1.016.399.989	353.100.000	149.792.895.208
- Khấu hao trong năm	4.360.944.850	11.912.064.495	81.312.011	76.248.000	16.430.569.356
- Giảm do bàn giao tài sản (ii)	(51.782.245)	-	-	-	(51.782.245)
- Phân loại lại	67.292.887	(67.292.887)	-	-	-
- Giảm khác (iii)	(12.307.154)	-	-	-	(12.307.154)
Số dư cuối năm	**77.279.032.632**	**87.353.282.533**	**1.097.712.000**	**429.348.000**	**166.159.375.165**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	961.767.143.461	412.038.213.148	81.312.011	-	1.373.886.668.620
Tại ngày cuối năm	**1.046.984.584.619**	**431.319.664.540**	**-**	**-**	**1.478.304.249.159**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 22.123.645.484 VND
- Nguyên giá TSCĐ không phải trích khấu hao: 1.343.678.634.131 VND

(i) Tăng tài sản cố định theo Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng công trình "Đầu tư xây dựng 10 trạm bơm cục bộ huyện Lương Tài" ngày 25/08/2025 và Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án số 1416/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

(ii) Điều chỉnh giảm nguyên giá và giá trị hao mòn luỹ kế tài sản cố định do bàn giao lại cho địa phương theo Quyết định 19/2019/QĐ-UBND ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thuỷ lợi ngày 10/10/2019.

(iii) Điều chỉnh giảm nguyên giá và giá trị hao mòn luỹ kế tài sản cố định theo các quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Sở Tài chính và xoá sổ các tài sản cố định bị san lấp khi UBND tỉnh Bắc Ninh triển khai thi công xây dựng các công trình thuỷ lợi theo Giấy phép số 58/GP-UBND ngày 28/02/2024, Giấy phép 812/GP-UBND ngày 31/12/2024 và biên bản kiểm kê tài sản.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	**20.000.000**	**20.000.000**
Số dư cuối năm	**20.000.000**	**20.000.000**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	**20.000.000**	**20.000.000**
Số dư cuối năm	**20.000.000**	**20.000.000**
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.000.000 VND

12 . VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bà Dương Thị Hà (i)	150.000.000	150.000.000	35.000.000	185.000.000	-	-
Ông Đoàn Văn Khánh (i)	230.000.000	230.000.000	215.000.000	405.000.000	40.000.000	40.000.000
Ông Lưu Văn Phùng (ii)	-	-	430.000.000	180.000.000	250.000.000	250.000.000
Bà Lê Thị Thu Hằng (ii)	-	-	70.000.000	-	70.000.000	70.000.000
Ông Lương Văn Lượng (ii)	-	-	555.000.000	-	555.000.000	555.000.000
	380.000.000	**380.000.000**	**1.305.000.000**	**770.000.000**	**915.000.000**	**915.000.000**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i) Các khoản vay của Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng Nam Đuống với các cá nhân theo các hợp đồng vay bao gồm điều khoản chi tiết:
+ Số tiền vay: theo hợp đồng vay cụ thể;
+ Mục đích vay: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động;
+ Thời hạn vay: theo hợp đồng vay cụ thể;
+ Lãi suất cho vay: 0%;
+ Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
+ Tổng số dư các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 40.000.000 đồng.

(ii) Các khoản vay của Xí nghiệp Đầu tư và Xây dựng Nam Đuống với các cá nhân theo các hợp đồng vay bao gồm điều khoản chi tiết:
+ Số tiền vay: theo hợp đồng vay cụ thể;
+ Mục đích vay: Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động;
+ Thời hạn vay: theo hợp đồng vay cụ thể;
+ Lãi suất cho vay: 0%;
+ Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
+ Tổng số dư các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 875.000.000 đồng.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Cơ điện Thuỷ lợi - Hưng Yên	3.758.777.194	3.758.777.194	151.777.000	151.777.000
Công ty TNHH Xây dựng Thiết bị điện và Chiếu sáng Akado Led	1.774.251.000	1.774.251.000	318.982.000	318.982.000
Công ty TNHH Trường Thành	1.919.236.000	1.919.236.000	-	-
Công ty Thương mại và Xây dựng Minh Triết (TNHH)	1.384.561.000	1.384.561.000	63.490.000	63.490.000
Công ty Cổ phần Hải Đăng – Hưng Phú	1.356.837.000	1.356.837.000	86.621.000	86.621.000
Các nhà cung cấp khác	7.141.618.446	7.141.618.446	4.660.196.448	4.660.196.448
	17.335.280.640	**17.335.280.640**	**5.281.066.448**	**5.281.066.448**

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1	86.370.296	267.789.245	278.046.357	1	76.113.184
Thuế thu nhập doanh nghiệp	150.790	315.357	930.785	792.768	380.853	683.437
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	94.401.418	94.401.418	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	55.933.511	55.933.511	-	-
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	204.438.708	161.400.318.356	161.159.891.098	-	444.865.966
	150.791	**291.124.361**	**161.828.373.315**	**161.598.065.152**	**380.854**	**521.662.587**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	8.746.101	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
- *Dabaco hỗ trợ kinh phí tiền xây dựng cụm Hồ-Trung tâm (i)*	-	5.280.489.800
- *Ban Quản lý Dự án Sửa chữa lớn tài sản kết cấu Hạ tầng thủy lợi năm 2024*	134.956.951	-
- *BHXH thị xã Thuận Thành*	-	2.222.649.004
- *Chi phí nhân công phải trả tại Xí nghiệp*	668.635.463	-
- *Chi phí dự án Văn Thai A*	389.205.000	-
- *Các khoản phải trả khác*	31.190.374	109.033.016
	1.232.733.889	**7.612.171.820**

(i) Khoản hỗ trợ của Dabaco theo Quyết định số 250/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Trụ sở cụm thủy nông Hồ, huyện Thuận Thành cho Công ty. Công trình đã được phê duyệt qúyết toán hoàn công theo quyết định 331/QĐ-NĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025.

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**780.009.208.177**	**211.170.087**	**-**	**236.943.124**	**780.457.326.688**
Tăng vốn trong năm trước (i)	611.918.952.673	-	-	21.462.810.311	633.381.762.984
Lãi trong năm trước	-	-	3.171.074	-	3.171.074
Chuyển nguồn	20.255.518.311	-	-	(20.255.518.311)	-
Điều chỉnh giảm trong năm trước	(35.525.477.087)	-	-	(17.283.000)	(35.542.760.087)
Phân phối lợi nhuận	-	951.322	(3.171.074)	-	(2.219.752)
Số dư cuối năm trước	**1.376.658.202.374**	**212.121.409**	**-**	**1.426.957.124**	**1.378.297.280.907**
Tăng vốn trong năm nay (i)	78.407.137.000	-	-	88.760.595.644	167.167.732.644
Lãi trong năm nay	-	-	3.723.139	-	3.723.139
Chuyển nguồn	53.139.629.644	-	-	(48.088.682.644)	5.050.947.000
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	1.116.941	(3.723.139)	-	(2.606.198)
Giảm do điều chuyển (iii)	(9.168.421.975)	-	-	-	(9.168.421.975)
Số dư cuối năm nay	**1.499.036.547.043**	**213.238.350**	**-**	**42.098.870.124**	**1.541.348.655.517**

(i) Tăng vốn thông qua việc nhận tài trợ vốn đầu tư XDCB;

(ii) Trong năm Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận tại các xí nghiệp theo quy định hiện hành như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển, tỷ lệ trích 30%: 1.116.941 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, tỷ lệ trích 70%: 2.606.198 VND

(iii) Bàn giao tài sản theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh về phân cấp quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thuỷ lợi và điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh:

- Bàn giao TSCĐ cho UBND xã Quảng Phú ngày 30/05/2025:	698.655.000 VND
- Bàn giao TSCĐ cho UBND xã Trung Chính ngày 21/05/2025:	223.255.000 VND
- Giảm theo giấy phép số 58/GP-UBND ngày 28/02/2024 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp:	1.283.449.000 VND
- Giảm theo giấy phép số 812/GP-UBND ngày 31/12/2024 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp:	14.371.746 VND
- Bàn giao TSCĐ cho UBND xã Đại Lai:	46.412.544 VND
- Bàn giao TSCĐ cho UBND xã Gia Bình:	559.667.009 VND
- Bàn giao TSCĐ cho UBND xã Đông Cứu:	474.255.244 VND
- Xoá bỏ cống Bắc Văn Lâm do làm đường giao thông theo quyết định của UBND tỉnh:	11.534.939 VND
- Bàn giao TSCĐ cho UBND xã Lâm Thao ngày 25/12/2025:	6.442.493 VND
- Bàn giao hạng mục cải tạo Kênh tưới trạm bơm Ninh Thọ cho UBND xã Trung Chính:	3.209.940.000 VND
- Bàn giao hạng mục sửa chữa Kênh tưới trạm bơm Đại Lai 1 cho UBND xã Đại Lai:	1.587.276.000 VND
- Bàn giao hạng mục sửa chữa Trạm bơm Ngọc Khám cho UBND xã Lâm Thao:	1.053.163.000 VND

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.994.015.047	131.455.897.481
	150.994.015.047	**131.455.897.481**

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	134.167.348.045	116.875.510.622
	134.167.348.045	**116.875.510.622**

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	65.278.857	44.075.784
	65.278.857	**44.075.784**

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu quản lý	267.990.486	251.626.074
Chi phí nhân công	11.881.146.389	9.058.178.113
Chi phí đồ dùng văn phòng	603.742.582	938.392.045
Chi phí khấu hao tài sản cố định	478.499.219	516.414.423
Thuế, phí và lệ phí	62.933.511	66.207.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài	424.321.700	344.162.062
Chi phí khác bằng tiền	3.168.658.048	3.449.790.186
	16.887.291.935	**14.624.770.892**

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	909.091
Thu nhập từ thanh lý vật tư thiết bị cũ	-	3.363.000
	-	**4.272.091**

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.653.924	3.963.842
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.653.924	3.963.842
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**930.785**	**792.768**

23 . THÔNG TIN KHÁC

Theo thông báo số 03-TB/BCĐ ngày 13/12/2024 của Ban chỉ đạo cấp tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bắc Ninh, Công ty và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thuỷ lợi Bắc Đuống hợp nhất thành Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thuỷ lợi Bắc Ninh. Công ty chưa có hướng dẫn cụ thể liên quan tới hợp nhất hoạt động giữa hai công ty.

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ban giám đốc	Thành viên chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc	1.465.391.503	1.368.496.245

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán.

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu	Phụ trách Kế toán trưởng	Chủ tịch
Lưu Thị Thanh	Phạm Kiên Cường	Lưu Văn Khang

Công ty: Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đuống
Kỳ: Năm 2025

DN - BÁO CÁO NGOẠI BẢNG - MẸ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Nợ phải thu khó đòi	110		147.827.041	147.827.041
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111		-	-
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước	120		915.000.000	380.000.000
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121		915.000.000	380.000.000
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn còn lại	122		-	-
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài	130		-	-
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131		-	-
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác còn lại	132		-	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước	140		-	-
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141		-	-
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142		-	-
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước	143		-	-
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144		-	-
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài	150		-	-
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151		-	-
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152		-	-
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153		-	-
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154		-	-
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155		-	-
6. Nợ phải trả quá hạn	156		-	-
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang	157		86.685.653	242.309.433
8. Vốn điều lệ	200		431.536.693.508	431.536.693.508
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	300		428.054.959	466.669.208
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310		428.054.959	466.669.208
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	330		-	-
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN	350		-	
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN	351		438.324.844	622.443.779
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	352		-	
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	360		76.796.621	86.685.653
12. Tổng quỹ lương	622		66.026.384.799	58.503.406.783
13. Số lao động bình quân (người)	610		449	451
14. Tiền lương bình quân người/năm	623		147.052.082	129.719.306

Người lập biểu	PT. Kế toán trưởng	Chủ tịch
Lưu Thị Thanh	Phạm Kiên Cường	Lưu Văn Khang

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM ĐUỐNG TỈNH BẮC NINH